TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 25 - 4 - 2025
V/v ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thiện
Bà Hoàng Thị Thoan

***- Ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thuận – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm ly hôn thụ lý số 103/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn và nuôi con chung"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng Phước T1, sinh năm 1984
Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; có mặt

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm 1989
Địa chỉ trước lúc xuất cảnh: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; hiện trú tại: Số I, đường P, H, thành phố T, Đ, Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, Bản tự khai và tại phiên tòa anh Đặng Phước T1 (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Nguyên đơn và chị Trần Thị P (viết tắt là bị đơn) yêu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 07 tháng 4 năm 2014. Sau khi kết hôn anh chị sống phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân năm 2021 bị đơn đi lao động tại Đài Loan vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, từ đó không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn xin được ly hôn bị đơn.

Về con chung: Vợ chồng nguyên đơn có 01 con chung Đặng Chí V, sinh ngày 04/12/2015; hiện đang sống với nguyên đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bị đơn đóng góp tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng nguyên đơn không có nên không yêu cầu Toà án xem xét.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thực hiện tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định. Tại Công điện số 447 - 2024/CĐ – LS ngày 11/9/2024 của Văn phòng Kinh tế - Văn hoá Việt Nam tại Đ, Đài Loan về việc đã nhận được hồ sơ của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình gửi cho bị đơn và cơ quan này đã thực hiện việc tống đạt, đăng thông báo, niêm yết theo quy định. Tòa án đã thực hiện thông báo trên kênh đối ngoại VoV5 Đài Tiếng nói Việt Nam và trên Cổng thông tin điện tử của hệ thống Tòa án nhưng không có kết quả trả lời của bị đơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 474 và điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho nguyên đơn được ly hôn bị đơn; về con chung: Giao nguyên đơn nuôi con chung Đặng Chí V, sinh ngày 04/12/2015; chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn đóng góp tiền nuôi con chung; tài sản chung và nợ: Không có nên không xem xét. Buộc nguyên đơn chịu toàn bộ án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý của nguyên đơn và phát biểu Kiểm sát viên tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn làm đơn xin ly hôn bị đơn đang cư trú, lao động tại nước ngoài. Tại Thông báo số 1937/CV - QLXNC ngày 10/7/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q thì bị đơn đã xuất nhập cảnh nhiều lần và lần gần nhất vào ngày 05/4/2024 đến nay chưa nhập cảnh về Việt Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Tại phiên toà vắng mặt bị đơn nhưng đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tống đạt, thông báo và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn theo quy định, cụ thể: Toà án đã gửi văn bản tố tụng cho Văn phòng kinh tế, Văn hoá Việt Nam tại Đ, Đài Loan để tống đạt và gửi cho bị đơn theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp. Tại Công điện số 447 - 2024/CĐ – LS ngày 11/9/2024 của Văn phòng Kinh tế - Văn hoá Việt Nam tại Đ, Đài Loan về việc đã nhận được hồ sơ của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình gửi cho bị đơn và cơ quan này đã thực hiện việc tống đạt, đăng thông báo, niêm yết theo quy định. Tòa án đã thực hiện thông báo trên kênh đối ngoại VoV5 Đài Tiếng nói Việt Nam và trên Cổng thông tin điện tử của hệ thống Tòa án nhưng không có kết quả trả lời của bị đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 474 và điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Toà án tiến hành xét xử vụ án.

[4] Nguyên đơn và bị đơn yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 07 tháng 4 năm 2014; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân năm 2021 bị đơn đi lao động tại Đài Loan vợ chồng sống ly thân, không còn tin tưởng nhau và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử thấy anh chị không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho nguyên đơn được ly hôn bị đơn.

[5] Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận vợ chồng có 01 con chung Đặng Chí V, sinh ngày 04/12/2015; cháu V hiện đang sống với nguyên đơn và cháu V có đơn xin được sống với nguyên đơn khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử thấy bị đơn đang cư trú ở nước ngoài không có điều kiện để trực tiếp nuôi cháu V, do đó cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình để giao cho nguyên đơn được tiếp tục nuôi cháu V và chấp nhận việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn đóng góp tiền nuôi con chung.

[6] Nguyên đơn thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung; do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 3.850.000 đồng chi phí tố tụng.

[8] Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 153, khoản 1 Điều 273, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Xử cho anh Đặng Phước T1 được ly hôn chị Trần Thị P

2. Giao anh Đặng Phước T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Chí V, sinh ngày 04/12/2015.

3. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đặng Phước T1 về việc không yêu cầu chị Trần Thi P đóng góp tiền nuôi con chung Đặng Chí V. Chị P có quyền được thăm cháu V không ai được ngăn cản, sau này một trong hai bên có nhu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, phí cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét

5. Anh Đặng Phước T1 phải chịu 3.850.000 đồng chi phí tố tụng (anh T1 đã nộp đủ).

6. Anh Đặng Phước T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (ông Ngô Thanh Đ nộp thay) tại Biên lai số 0004952 ngày 21/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; anh T1 đã nộp đủ án phí vụ kiện.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh Đặng Phước T1 biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/4/2025. Chị Trần Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã An Trường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa